UBND Xã: Sơn Giang

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**9.814.688.000**	**4.500.000.000**	**5.314.688.000**	**5.650.342.528**	**3.253.480.000**	**2.396.862.528**	**57,57**	**72,30**	**45,10**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	700.000.000	700.000.000							
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	47.912.000		47.912.000	21.456.000		21.456.000	44,78		44,78
4	Chi văn hóa, thông tin	750.000.000	650.000.000	100.000.000	574.503.934	543.500.000	31.003.934	76,60	83,62	31,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	40.000.000		40.000.000						
6	Chi thể dục, thể thao	20.000.000		20.000.000	15.300.000		15.300.000	76,50		76,50
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	6.000.000		6.000.000	12,00		12,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.760.000.000	1.650.000.000	110.000.000	2.613.259.000	2.500.980.000	112.279.000	148,48	151,57	102,07
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.570.457.845	1.500.000.000	4.070.457.845	2.053.417.593	209.000.000	1.844.417.593	36,86	13,93	45,31
10	Chi cho công tác xã hội	210.891.600		210.891.600	135.444.000		135.444.000	64,22		64,22
11	Chi khác	524.097.555		524.097.555	230.962.001		230.962.001	44,07		44,07
12	Dự phòng	141.329.000		141.329.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									